

PHẬT THUYẾT THẬP THIÊN NGHIỆP ĐẠO KINH GIẢNG GIẢI

Chủ giảng: HT Tịnh Không

Chuyên ngữ: Thích Nữ Huệ Hạnh

Giọng đọc: NSUT Phú Thăng

Bài số 37

(Trong bài giọng nam là lời giảng của HT, giọng nữ là những chú giải thêm.

Hôm qua chúng ta đang nghe đến kinh văn số 50:

Kinh văn 50: **“Ngũ căn trang nghiêm cố, Thâm tín kiên cố, tinh cần phỉ giải, thường vô mê vọng, tịch nhiên điều thuận, đoạn chư phiền não”**
(Nghĩa là: Dùng ngũ căn trang nghiêm, lòng tin sâu kiên cố, tinh cần không biếng nhác, thường không mê vọng, tĩnh lặng điều hòa, đoạn tất cả phiền não).

Ngũ căn là “Tín – Tấn – Niệm – Định – và Huệ”. Chúng ta đang nghe đến căn đầu tiên là “Tín căn”. “Tín” là gì? Là một lòng tin tưởng vào đạo lý hay còn gọi là chân lý, không giao động, hoan hỷ, ưa muốn vui thích với niềm tin ấy, rồi sau mới vận dụng vào thực tế thì “Tín” ấy mới là có “căn”. Bây giờ chúng ta nghe HT giảng tiếp về “tín căn”)

Ngày nay tín đồ Phật giáo dù tại gia hay xuất gia cũng đều tin tưởng vào Đức Phật, nhưng cái “tín” ấy có căn không? Không hề có! Tuyệt đại đa số đều là “mê tín”. Vì sao lại nói là “Mê tín”? Vì “Phật” là gì, “Giáo” là gì, rồi “Phật giáo” là gì họ cũng đều không nắm rõ. Họ thấy tượng Phật, tượng Bồ tát thì bái lạy, lại còn rất thành khẩn, nhưng cái gì họ cũng không hiểu, không biết. Họ bái lạy vì họ muốn cầu phước, mong quý thần giúp đỡ họ, xem Phật, Bồ tát như quý thần, chẳng khác biệt gì. Phật, Quý, Thần không phân biệt được, như thế thì chính là mê tín rồi. Cho nên, trước đây một số vị

Đại đức đề xuất “chánh tín” là vì vậy. “Chánh tín” là gì? Hiểu rõ ràng, cặn kẽ đạo lý Phật pháp, dụng những đạo lý ấy làm cái cơ bản cho mình thì ấy là “chánh tín”. Chánh tín khác với mê tín. Phật tử có chánh tín thì cái “tín” ấy có căn không? Chưa biết được, vì nếu họ học nhiều, rất tạp thì không có căn; còn có căn thì chắc chắn là chỉ chuyên học một pháp môn, huân tu lâu dài.

Cho nên, “tín” phải có “căn”, có đủ bốn mức độ “Tín – Nhân – Nhạo – Dục”.

“Nhân” là khẳng định, chẳng nghi hoặc, nếu có nghi hoặc thì “tín” bị gián đoạn, không thể đạt đến “nhân”, còn đạt đến “nhân” thì đã đoạn được nghi rồi. Không có nghi rồi, cũng khẳng định được rồi thì ta có vui thích không? Trong tất cả các pháp môn thế xuất thế gian, ta thích pháp môn nào? Có người thích danh tiếng, lợi dưỡng; có người thích ngũ trần, lục dục, có người thích của cải giàu có. Còn nếu ta thích Phật pháp thì thích đến độ nào? Ví dụ hôm nay có một vị pháp sư đến đây thuyết pháp, nhưng lại có người nói với ta là nếu đến đằng kia thì sẽ kiếm được một triệu đô la Mỹ, ta liền lật đật đến ngay đó, vậy là chúng ta thích tài phú hơn chứ không phải thích Phật pháp hơn. Nếu chúng ta không đi mà ở lại nghe thuyết pháp thì đó mới thực là “chân lạc”. Nên có thể thấy rằng để “tín” có “căn” là không phải dễ dàng; kiên quyết không để cảnh giới bên ngoài tác động, cảm dỗ thì “tín” mới có “căn” được.

“Dục” nghĩa là có được niềm vui trong pháp, hay còn gọi là “pháp hỉ sung mãn”.

Tín tâm là tánh đức quan trọng nhất trong tự tánh, phàm phu làm mất tự tánh rồi thì tánh đức không thể hiện tiền. Phật, Bồ tát giúp đỡ, khai thị cho chúng ta là để dạy chúng ta thoát được tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước để rồi tánh đức của chúng ta khôi phục, minh tâm kiến tánh, nhờ đó mà giác ngộ chân tướng nhân sanh, vũ trụ. Nên nói “Tín căn” từ chỗ này mà sanh ra.

Phật thường dạy:

Người thượng thượng căn thì phiền não nhẹ, trí huệ ngày thêm tăng, nghe Phật pháp liền thâm tín chẳng chút nghi ngờ;

Người hạ hạ căn tuy chưa được trí huệ nhưng do đời quá khứ có thiện căn phước đức nhân duyên sâu dày, gặp được thiện tri thức tin càng sâu và cũng chẳng chút nghi ngờ. Người hạ hạ căn thường thuộc nhóm những người thành thật, họ tin tưởng Thầy giáo là người có đức hạnh, có trí huệ. Vì tin tưởng Thầy dạy quyết không lừa gạt chúng sanh nên họ hoàn toàn nghe theo lời khuyên dạy của Thầy, không chút nghi ngờ. Những người này sẽ rất dễ thành tựu. Các trường hợp thành tựu ấy được dẫn ví dụ rất nhiều trong sách, đặc biệt tu với pháp môn Tịnh Độ, ta thấy họ là những người được vãng sanh “tướng lành hy hữu”. Họ đều là những người thành thật, một lòng thâm tín chẳng ngờ Kinh điển Phật pháp, y theo giáo pháp tu hành nên mới có được thành tựu thù thắng ấy. Họ là những minh chứng cho cái gọi là “tác chứng chuyên”.

Lâm Trưởng Trần Quang Biệt của “Hội Phật giáo Cư sĩ Lâm ở Singapore” dự biết là ngày mùng 7 tháng 8 mình sẽ vãng sanh, nên trước đó ba tháng đã viết rất nhiều lần “mùng 7 tháng 8” ra giấy. Trường hợp này chính là “tướng lành” mà chúng ta tận mắt chứng kiến được. Một số oan gia trái chủ của Lâm Trưởng Trần mượn thân một vị cư sĩ họ Đỗ, khi thấy Lâm Trưởng Trần niệm Phật, lúc vãng sanh họ không những không quấy phá mà còn hết lời tán thán, còn mong được đến Cư Sĩ Lâm để quy y nghe pháp. Cả lần một và lần hai của Cư Sĩ Lâm đều lấp ti vi, mở video giảng Kinh Địa Tạng và Thập Thiện Nghiệp Đạo liên tục 24 giờ trong ngày để họ có thể nghe Kinh. Đây là yêu cầu của oan gia trái chủ của Lão Lâm Trưởng. Bởi vậy nếu chúng ta không cố gắng tu học Tịnh Độ nghiêm túc thì khác nào thua cả ma quỷ! Chuyện này mới xảy ra đây và hoàn toàn là sự thật.

Cho nên, tu học Phật pháp có thành tựu hay không, thành tựu bao nhiêu, mấu chốt là ở tín tâm. Tín tâm càng kiên định thì thành tựu càng lớn; còn như nửa tin nửa ngờ, không những không thành tựu trong tu học pháp môn Tịnh Độ mà bất kể với tông phái nào, pháp môn nào cũng không thể thành tựu. Nên mới nói tín tâm là quan trọng hơn hết thảy. Nhưng kỳ thật tín

tâm không phải là thứ dễ dàng kiến lập vì vốn nó quan hệ rất lớn với thiện căn, phước đức và nhân duyên đã tu tích được trong quá khứ. Bởi nên thành tựu không phải là tự nhiên, cũng không phải chuyện một đời một kiếp mà có được; phải là kiếp trước có thiện căn, phước đức, kiếp này gặp được cơ duyên tốt thì mới chắc chắn thành tựu. Gặp được thiện tri thức chân chính rồi, một lòng tin tâm với thiện tri thức chớ nên ngờ vực rồi y giáo phụng hành. Từ thật lòng tin tưởng đến khẳng định rồi hoan hỉ tiếp nhận, cuối cùng là hành trì những điều ấy vào thực tiễn đời sống thường ngày, ấy chính là “tín” có “căn”. Có căn có gốc rồi mới sinh trưởng, sinh trưởng ở đây là sinh trưởng tâm đạo, tâm đạo sinh trưởng rồi thì tâm Bồ đề theo đó cũng tăng trưởng theo.

Tịnh Độ tông có đủ là “tâm Đại Bồ đề Vô thượng”. Điều này Đại sư Ngẫu Ích có nói trong Yếu Giải: “Có tín nguyện kiên định, có lòng cầu vãng sanh thế giới Tây phương Cực Lạc thì chính là tâm Đại Bồ đề Vô thượng”. Chúng ta phải bén rễ từ chỗ này, rồi cũng từ chỗ này mà ra sức tu học. Vì sao người ta có thể tin, còn ta không thể? Vì sao người ta không hoài nghi, còn ta lại hoài nghi? Thử suy ngẫm xem! Các vị Đại đức Tổ sư từ trước tới nay, từ Đại sư Liên Trì, Đại sư Ngẫu Ích cuối đời Minh đầu đời Thanh đến Đại sư Ấn Quang thời cận đại đều là tấm gương tốt nhất cho chúng ta, đáng để chúng ta học tập và noi theo.

Thứ hai “Tấn căn”. Tấn nghĩa là tinh tấn. Như vậy, chúng ta thấy là “Tứ thần túc” có tinh tấn, thì “Ngũ căn”, “Ngũ lực”, “Thất giác chi” và “Bát chánh đạo” cũng có tinh tấn. Bất kỳ điều dạy nào của Đức Phật, khi đặt vào trường hợp khác nhau sẽ có cách giải thích khác nhau. Tinh tấn của “căn” và tinh tấn “lực” đương nhiên sẽ có cách giải thích khác nhau, chứ nếu giống nhau thì Phật cần gì phải phân thành nhiều nhóm vậy? Như trong ba mươi bảy đạo phẩm phân thành bảy nhóm vì chúng có cách nói khác nhau. Tương tự, Phật nói rất nhiều về bố thí, trì giới thì phải hiểu rõ là chúng ở nhóm nào thì sẽ có cách giải thích của nhóm đó. Chúng ta phải hiểu rõ nguyên tắc này để giảng giải được cho người khác và để tự mình tu học, mới có thể thực sự được thọ dụng.

Người xưa nói: “*Tín chư pháp cố, bội sách tinh tấn*”, nghĩa là khi chúng ta thật sự tin vào tất cả pháp của Đức Phật dạy, “tín căn” xác lập rồi, tin có căn thì chúng ta đối với Phật pháp tự nhiên tinh tấn. Ngũ căn đầy đủ tức là tinh tấn trên đạo Bồ đề mà không thoái chuyển.

Kinh Vô Lượng Thọ dạy, dù đến thế giới Tây phương Cực Lạc rồi thì chúng ta vẫn phải tu Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ đề phần và Bát chánh đạo. Đây đủ ba điều đầu: Tứ Niệm xứ, Tứ Chánh cần và Tứ Như ý túc thì mới xem là đã có nền tảng, mới có “căn”. Đó đồng thời cũng là điều kiện cần thiết để chúng ta được vãng sanh thế giới Tây phương Cực Lạc. Trong đó, Tứ Niệm xứ là nhìn thấu; Tứ Chánh cần là đoạn ác tu thiện, tu công tích đức; Tứ Như ý túc là buông xả. Có đủ những điều này thì niệm Phật mới có thể vãng sanh.

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo không hoàn toàn giới hạn ở Tiểu thừa, nó là môn học chung của Phật giáo, bao hàm cả Tông môn, Giáo Hạ, Hiền giáo và Mật tông. Cho nên, khi Đại sư Thiên Thai giảng Ba mươi bảy phẩm trợ đạo cũng là dựa vào Tứ giáo: Tạng, Thông, Biệt, Viên giáo. Từ đó có thể thấy, cảnh giới của Ba mươi bảy đạo phẩm là không có giới hạn. Chúng ta học Phật mà không cấm rể thì sao mà được! Nhưng rể phải cấm như thế nào? Nhất định không được quên mười thiện nghiệp. Trong mỗi phần của Ba mươi bảy phẩm trợ đạo đều bao gồm đầy đủ mười thiện nghiệp, hơn nữa mỗi một phần cũng bao gồm đầy đủ ba mươi sáu phần khác, thiếu một phần thì sẽ thiếu sót, việc tu hành không thể viên mãn. Nó giống như lời dạy trong Đại Kinh “***Một tức tất cả, tất cả tức một***”. Hiểu rõ đạo lý này thì chúng ta mới biết bắt đầu sự học của mình ở đâu.

Chúng ta tin giải được vậy, nhận thức được vậy tự nhiên sẽ hăng hái nỗ lực tinh tấn. Vì sao? Vì những lợi ích lớn, thọ dụng lớn có được. Chúng ta phải tu học tinh tấn bội phần so với người thường vì trong từng tâm niệm đều mong cầu đại viên mãn, đại tự tại, đại giải thoát, như thế thì tự nhiên sẽ tinh tấn thôi. Rồi tự nhiên Ngũ dục, Lục trần, danh tiếng, lợi dưỡng của thế gian cũng xả bỏ sạch sẽ. Vì chúng ta đã thông đạt rõ ràng sâu sắc rằng những thứ này đều là chướng ngại cản trở đạo Bồ đề, ngăn chúng ta minh tâm kiến tánh,

ngăn cản sự đại khai viên giải mà chỉ cần có chút chấp trước nào sẽ vướng phiền não ngay.

Vậy “tinh tấn” là gì? Là nhìn thấu, buông bỏ, đoạn ác tu thiện. Chúng ta phải thực sự tập trung công phu ở những điều này. “Tứ Niệm xứ quán” là trí huệ, thật sự hiểu rõ vô thường, khổ, không, “quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã”. Thế gian này là vô thường, khổ, không; không những lục đạo như vậy mà mười pháp giới cũng không ngoại lệ, vậy nên không chút mảy may tham luyện lục đạo, mười pháp giới. Cứ như Phật, Bồ tát thị hiện vậy, tùy duyên qua ngày, thuận cảnh cũng tốt, nghịch cảnh cũng tốt. Thuận cảnh thì buông xả tham ái, nghịch cảnh thì buông xả sân hận. Đức Phật có thể buông xả được vì đã hiểu được chân tướng sự thật, nhìn thấu rồi nên có thể buông xả.

Ngay trong đời sống thường ngày phải đoạn ác tu thiện. Nên hiểu phàm là việc lợi ích bản thân đều là ác. Vì sao vậy? Vì nó làm tăng chấp ngã, tăng thêm tham, sân, si, mạn. Vậy thì chắc chắn là ác rồi! Còn phàm là việc lợi cho chúng sanh đều là thiện. Đây chính là tiêu chuẩn của thiện – ác. Người tu đạo tuyệt đối không cầu tự lợi mà niệm niệm đều vì lợi ích chúng sanh. Chúng ta tu hành là vì chúng sanh, nguyện vì chúng sanh làm tấm gương tu hành; chúng ta thành Phật đạo là vì chúng sanh, sau khi thành Phật đạo thì có thể độ tất cả chúng sanh. Cho nên, chúng ta tu hành chứng quả không phải vì thân này. Tu hành chứng quả mà vì thân này thì không thể thoát khỏi lục đạo luân hồi vì lục đạo luân hồi là do ý niệm “ngã” biến hiện ra. Kinh Kim Cang dạy đó là “Ngã kiến”, không phá được ngã kiến thì sao thoát khỏi luân hồi được?

Từ vô thủy kiếp đến nay, chúng ta vô cùng chấp trước “ngã kiến”, “ngã tướng”, muốn buông cũng không buông được. Khởi tâm động niệm vẫn có “ngã” thì đúng thực là phiền phức rồi. “Chấp ngã” không phá thì không thể thoát khỏi lục đạo luân hồi, không thể chứng được Thánh quả (“Thánh quả” này là Tu Đà Hoàn của Tiểu thừa, cũng là quả vị Bồ tát sơ tín của Đại thừa). Chúng ta muốn thật sự thành tựu thì không thể không tập trung công phu vào việc này!

Tập trung công phu thế nào? Năm xưa, lão cư sĩ Lý Bình Nam dạy chúng tôi là phải “đổi tâm”, “đổi tâm” tức là “thay đổi ý nghĩ”. Nếu trước đây khởi tâm động niệm luôn là “ngã”, bây giờ, khi khởi tâm động niệm là vì “người”, tức là chuyển đổi cái ý nghĩ ban đầu đó. Như vậy gọi là “đổi tâm”, cứ từ chỗ này mà tập trung công phu. Khởi tâm động niệm không nghĩ vì bản thân, mà phải nghĩ vì tất cả chúng sanh. Nếu chúng ta không chịu làm vậy, cả đời này muốn thoát khỏi luân hồi e là việc khó, muốn giáo hóa chúng sanh lại càng khó hơn.

May thay Phật A Di Đà đại từ đại bi lập ra Tây phương Tịnh Độ, chúng ta đâu không xả được ý nghĩ tự tư tự lợi cũng có thể vãng sanh; chúng ta niệm Phật vì bản thân cũng có thể vãng sanh. Vậy nên tất cả mười phương ba đời chư Phật đều tán thán pháp môn niệm Phật. Cái “ngã” chưa quên được hết thì sẽ sanh về thế giới Tây phương Cực Lạc cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Sau khi đến thế giới Tây phương Cực Lạc, buông được cái “ngã”, ngã tướng, ngã kiến cũng không còn thì có thể nâng lên Phương Tiện Hữu Dư Độ. Đây là phương tiện đặc biệt của pháp môn Tịnh Độ nên được gọi là “pháp môn đặc biệt”. Nếu tu các pháp môn khác thì không thể thành tựu được. Đạo lý này chúng ta phải hiểu cặn kẽ.

Trong Kinh điển, bậc Đại đức Tổ sư đều dạy chúng ta là đâu chưa đoạn tận ngã chấp, ngã kiến nhưng phải chế phục được chúng thì mới có thể vãng sanh. Nếu vào lúc lâm chung, lòng tự tư tự lợi, sự phân biệt chấp trước vẫn còn nhiều thì không thể vãng sanh; đến một niệm cuối cùng có thể chế phục được chúng mới có thể vãng sanh. Từ đó cho thấy, ngã kiến và ngã tướng cũng là chướng ngại lớn đối với ước mong về thế giới Tây phương Cực Lạc. Làm thế nào mới phục đoạn được? “Phục” tức trước mắt phải phục được phiền não, khiến nó không khởi hiện hành, toàn tâm toàn ý đều cầu vãng sanh Tịnh Độ, sau khi đến được Tây phương Cực Lạc, đến được với Phật A Di Đà rồi sẽ đoạn. Sau khi thành tựu ở thế giới Tây phương Cực Lạc thì thừa nguyện tái lai quảng độ chúng sanh (là độ rộng khắp chúng sinh). Thông suốt đạo lý này rồi thì tự ít sẽ hiểu được cách dụng công tinh tấn.

Kinh Kim Cang dạy **“*Làm thế nào mới chế phục được tâm ấy*”**? Tâm ấy là tâm gì? Là tâm tự tư tự lợi, tâm phân biệt chấp trước, phải chế phục được chúng. Phương pháp chế phục chính là ba nhóm đầu trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo, gồm: Tứ Niệm xứ, Tứ Chánh cần và Tứ Như ý túc. Sử dụng thành thực những phương pháp này rồi thì việc hành trì công phu trong đời sống thường ngày sẽ vô cùng thuận lợi, tự nhiên tiến bộ nhanh chóng, Kinh giáo mới mở ra xem liền thông đạt ý nghĩa. Chuyển được ý niệm tự tư tự lợi rồi mới có thể bàn đến “Tán căn”. Tinh tấn có căn rồi tự nhiên sẽ đắc lực gấp đôi.

Thứ ba “Niệm căn”. Cổ đức có câu “*U chánh trợ đạo, ức niệm bất vong*”, (nghĩa là *chánh đạo trợ đạo, niệm niệm luôn nhớ chẳng quên*) niệm luôn ghi nhớ không quên thì niệm mới có căn. Hai câu này là nguyên tắc, ý nói bất kể tu học pháp môn nào cũng phải có chánh tu và trợ tu. Chánh tu trong pháp môn Tịnh tông chính là “chấp trì danh hiệu”_theo cách gọi của Kinh Di Đà, còn Đại Thế Chí Bồ tát gọi đó là “Tịnh niệm tương tục”, sáng tối không quên danh hiệu, công đức của danh hiệu là “bất khả tư nghị”. Còn trợ tu trong pháp môn Tịnh tông là đoạn ác tu thiện, tu công tích đức.

Tuy nhiên, bàn về “Chánh trợ song tu”, các vị Đại đức Tổ sư có một cách nói khác, các vị cho rằng chánh tu là chấp trì danh hiệu, trợ tu cũng là chấp trì danh hiệu. Quả thực là niệm một câu Phật hiệu đến cùng thì tâm chẳng còn sanh một tạp niệm nào, như thế xem như chánh – trợ đều viên mãn. Nếu chưa đạt đến công phu này, còn phân định ranh giới giữa chánh – trợ thì không cách nào dung hợp chúng thành một thể. Những người bước đầu học Phật như chúng ta rất dễ hiểu sai, khi nghe cách nói của các vị Đại đức Tổ sư về “chánh – trợ song tu” liền chỉ chú tâm niệm Phật mà quên mất phải đoạn ác tu thiện, vọng tưởng tạp khí vẫn cứ khởi hiện hành và không còn lòng muốn giúp đỡ người khác nữa. Như vậy là đã hiểu sai ý của Tổ sư.

Khi chánh – trợ thực sự hợp thành một thể, ác cũng liền đoạn tận; tuy ác niệm không hiện hành nhưng thiện vẫn phải tu. Phật Thích Ca Mâu Ni nếu không tu thiện thì hà tất phải thị hiện chốn thế gian, hà tất chịu lao nhọc 49 năm để giảng Kinh thuyết pháp cho chúng sanh? Giảng Kinh thuyết pháp độ

chúng sanh chính là tu thiện rồi. Từ đó cho thấy, dù công đức viên mãn rồi vẫn không ngừng đoạn ác tu thiện. Quả vị Như Lai còn không bỏ, chúng ta ở cõi người này lại từ bỏ thì sao có thể thành tựu được?

Cho nên quyết phải đoạn ác từ trong tâm tưởng, không cho ác niệm khởi sanh thì hành vi ác tự nhiên cũng không còn. Thiện, càng nhất định phải tu, Phật dạy chúng ta tùy duyên tức là gặp cơ duyên thì phải làm, không gặp được thì không cần cố tìm. Không gặp được lại cố tìm làm thì là phan duyên. Điều này chúng ta phải minh định rõ ràng. Vĩnh viễn không lìa ý niệm đoạn ác tu thiện, gặp được cơ duyên chúng ta mới nghiêm túc nỗ lực mà làm, làm mà chẳng chút nghỉ ngơi.

“Trợ đạo” trong Tịnh Độ Tông là tu công tích đức, nhưng số mục quá nhiều, chúng ta phải hiểu rõ, nắm chắc cương lĩnh mới được. Lúc thành lập “Tịnh Tông Học hội”, ở phần “Duyên khởi” tôi đề ra năm bài học mà năm bài học này chính là những điều cần phải học trong trợ tu.

Bài đầu tiên trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ dạy là **“Tịnh nghiệp tam phước”**, tổng cộng có ba điều mười một câu. Điều thứ nhất là **“Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp”**. Điều thứ hai: **“Thọ trì tam quy, giữ gìn giới cấm, bất phạm oai nghi”**. Điều thứ ba: **“Phát bồ đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng Đại thừa, khuyến tấn hành giả”**. Phải nhớ kỹ ba điều này, thực hành từng giờ.

Bài thứ hai là “Lục hòa kính”. “Kiến hòa đồng giải” trong Lục hòa kính chính là cách nhìn của chúng ta đối với tất cả sự việc và vũ trụ nhân sanh đều phải lấy Kinh luận làm tiêu chuẩn. Chúng ta tu Tịnh Độ thì áp dụng ba bộ Kinh: Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật và Kinh A Di Đà. Chúng ta lấy những điều được giảng trong ba bộ Kinh này làm tiêu chuẩn cho cách nhìn, cách nghĩ của mình đối với tất cả người, sự việc và nhân sanh vũ trụ. Nên nói Kinh không chỉ để niệm là đủ mà còn phải hiểu được ý nghĩa, sáng tỏ ý nghĩa rồi mới áp dụng vào đời sống thực tế. Có như vậy niệm Kinh mới thực là lợi ích.

Hành vi, ngôn ngữ, tạo tác của ta cũng phải tuân thủ theo giáo huấn trong Kinh điển. Phật dạy chúng ta với việc nào nên làm thì phải nghiêm túc nỗ lực làm; với việc không nên làm thì nhất quyết không vi phạm. Đây chính là trì giới. Thế nên niệm Kinh phải niệm thuần thực, để khi lục căn của chúng ta tiếp xúc với lục trần ngoài kia, có ý niệm khởi sinh liền so với lời giáo huấn trong Kinh điển, nếu ý niệm đó là bất thiện thì tuyệt không để chúng khởi sinh, một câu khởi niệm “A Di Đà Phật” liền dẹp tan ý niệm này. Ý niệm phải khởi thì phải để thiện niệm tăng trưởng. Công phu tu hành chính là dụng ở chỗ này ấy mới thực gọi là “ức niệm bất vong” (là *ngiht nhó chẳng quên*).

Chung sống hòa thuận cùng đại chúng, đôi bên tôn trọng lẫn nhau, kính yêu lẫn nhau, cùng nhau góp sức, tận tâm tận lực đem Phật pháp phát dương rộng rãi, rộng độ chúng sanh. Sự nghiệp Phật pháp ấy không phải một người có thể làm nên, mà đó là sự nghiệp của xã hội, của toàn thể đại chúng. Trong Kinh có dạy: **“Một vị Phật ra đời, ngàn vị Phật ủng hộ”**. Việc này giống như hát kịch vậy, một người diễn vai chánh ắt phải có nhiều người phụ diễn, nếu không có phụ diễn thì vở kịch không thể nào hoàn thành. Người nào giữ vai chánh thì phải xem duyên phận; duyên phận của người đó chín muồi, chúng ta đề cử người đó giữ vai chánh, toàn tâm toàn lực hỗ trợ người. Người đóng vai chánh đang nói đến đây chính là Đức Phật, còn những người phối hợp hỗ trợ Phật thì cũng là Phật.

Khuyết điểm của phàm phu chúng ta là người nào cũng muốn tranh nhau làm anh lớn, muốn làm kẻ đứng đầu, thế là hòa hợp tăng đoàn bị phá vỡ. Chúng ta thấy Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện, Người là vai chánh, xuất gia thì có 1.255 người “phụ diễn”. 1.255 người này đều là cỗ Phật tái lai, tuy trên sân khấu mỗi người mỗi vẻ khác nhau nhưng thực tế họ đều bình đẳng. Họ diễn sống động biết bao và đều hướng về cùng mục tiêu là quảng độ lợi ích chúng sanh nên công đức đều lớn như nhau, không có bên này – bên kia, không kẻ nặng – nhẹ. Đạo lý này chúng ta phải ngấm thật thông suốt.

Một vùng nào đó, có một ai đó đặc biệt hữu duyên với vùng đấy thì chúng ta cử họ đứng ra làm chủ. Phật giáo là dân chủ; dân chủ tự do khai

phóng là chủ trương trước hết của Phật giáo. Từ trước đến nay, chấp sự trong Tùng Lâm tự viện Phật giáo đều mỗi năm tuyển một lần. Ngày 30 tháng chạp, toàn bộ từ chức, tuyển cử mới lại; mùng một tháng giêng, chấp sự mới lên nhậm chức. Cuộc tuyển chọn này dựa trên quy tắc: duyên phận! Chúng ta phải xem trọng đạo lý này. Cho nên, Phật pháp là pháp của sự không tranh cãi, đôi bên nhất định không xảy ra tranh cãi, phải hòa hợp. Vậy mới thấy “Lục hòa kính” quan trọng biết bao!

Hơn nữa phương hướng, mục tiêu tu học của chúng ta là “*Tam học, Lục độ, Phổ Hiền thập nguyện*”. Năm bài này được đề xuất làm trợ tu. Trong đời sống hành trì, sinh hoạt thường nhật, chúng ta nhất định không làm trái lại năm bài này. Thành thật niệm Phật cầu vãng sanh Tịnh Độ thì niệm của chúng ta sẽ có căn. Có căn mới sanh ra lực. Có căn, có lực rồi đạo nghiệp mới có thể hoàn thành. Nếu không có căn thì bất luận chúng ta tu học siêng năng thế nào, cả đời cũng không thể thành tựu. Nếu ngay lúc này đây Tín – Tấn – Niệm – Định – Huệ của chúng ta đều không có căn thì chúng ta phải làm cho giáo dục có căn. Không để mất bò mới lo làm chuồng, chỉ cần cố gắng nỗ lực thì hiện tại vẫn chưa muộn.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

.....

Chúc bạn:

Không làm các việc ác

Vâng làm các việc lành

Tự thanh tịnh tâm ý

Đó là lời Phật dạy

Website: www.duongdenhanhphuc.vn

Kênh Youtube: “[duongdenhanhphuc](https://www.youtube.com/channel/UCv3v3v3v3v3v3v3v3v3v3v3)”

Hoan nghênh mọi hình thức ấn tống, sao chép, copy, công đức vô lượng!
